Năm điểm lưu ý về chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn 11

• PGS.TS. ĐỖ NGỌC THỐNG
Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

Sau ba năm thí điểm, tháng 9 năm 2007, chương trình (CT) và sách giáo khoa (SGK) Ngữ văn 11 chính thức được giảng dạy trong nhà trường trung học phổ thông (THPT) toàn quốc. CT và SGK Ngữ văn 11 có khá nhiều khác biệt không chỉ so với CT và SGK môn Văn- tiếng Việt giai đoạn cải cách giáo dục (CCGD) mà so với chính nó khi thí điểm cũng có nhiều thay đổi. Để giảng dạy tốt chương trình và sách Ngữ văn 11, người giáo viên (GV) cần chú ý những gì? Nội dung bài viết này cố gắng tập trung trả lời câu hỏi đó.

1. Nắm được tổng quát phạm vi thể loại và tác phẩm trong Ngữ văn 11

Xét về tiến trình lịch sử, CT và SGK Ngữ văn 11 bao gồm một phần văn học trung đại và văn học hiện đại (Văn học Việt Nam từ thế kỉ XVIII đến năm 1945). Xét về thể loại, Ngữ văn 11 học một số thể loại chính sau đây:

- Kí trung đại: Thượng kinh kí sự (Lê Hữu Trác)
- Truyện thơ trung đại: Lục Vân Tiên (Nguyễn Đình Chiểu)
- Văn tế: Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (Nguyễn Đình Chiểu)
- Thơ trữ tình trung đại: Thơ Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương...
- Thơ hát nói : Bài ca ngất ngưởng (Nguyễn Công Trứ) Hương Sơn phong cảnh ca (Chu Mạnh Trinh)
- Nghị luận trung đại: Chiếu cầu hiền (Ngô Thì Nhậm)
- Tuồng: Trích tuồng Sơn Hậu
- Truyện hiện đại: Học các truyện ngắn và tiểu thuyết của các tác giả đầu thế kỉ XX đến năm 1945 như: Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng...
- Thơ trữ tình hiện đại: Học thơ của các tác giả từ đầu thế kỉ XX đến 1945 như: Phan Bội Châu, Tản Đà, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Huy Cận, Nguyễn Bính, Hồ Chí Minh, Tố Hữu...
- Kịch nói hiện đại: Trích vở Vũ Như Tô của Nguyễn Huy Tưởng
- Nghị luận hiện đại: Bàn về đạo đức Đông - Tây (Phan Chu Trinh), Một thời đại trong thi ca (Hoài Thanh)

Một số tác phẩm văn học nước ngoài viết theo các thể loại trên, được học đan xen với văn học Việt Nam. Chẳng hạn khi học Sơn Hậu hoặc Vũ Như Tô thì giới thiệu kịch Romeo và Juliet của Shakespeare; khi học thơ trữ tình Việt Nam thì giới thiệu thơ Pushkin, thơ Tagore; khi học truyện (văn xuôi Việt Nam) thì giới thiệu Những người khốn khổ (V. Hugo); Người trong bao (Chekhov); Lão Gôriô (Balzac); khi học các tác phẩm nghị luận Việt Nam thì giới thiệu luôn nghị luận nước ngoài như Ba cống hiến của Các Mác (Ăng-ghen)...

2. Hiểu đúng vai trò của các kiến thức lịch sử và lí luận văn học

Chương trình và SGK Ngữ văn THPT được xây dựng dựa trên cơ sở lựa chọn các thể loại tiêu biểu cho mỗi giai đoạn của lịch sử văn học. Theo tinh thần dạy cho học sinh (HS) phương pháp đọc-hiểu văn bản, những kiến thức về lịch sử văn học, lí luận văn học và rộng hơn là tất cả các tri thức văn hoá đều trở thành công cụ giúp cho người học giải mã, khám phá văn bản. Cũng do yêu cầu này mà cần phải thực hiện nguyên tắc tích hợp.

Về lịch sử văn học, theo tinh thần trên, Ngữ văn 11 giới thiệu cho HS một số kiến thức cơ bản về lịch sử văn học thông qua các hình thức sau:

- Bài khái quát Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945.
- Một số thông tin văn học sử về tác giả và tác phẩm thông qua các mục Tiểu dẫn trước khi học tác phẩm cụ thể.
- Riêng với sách Ngữ văn 11 nâng cao, một số kiến thức văn học sử, người học có thể tìm thấy trong các mục Tri thức đọc hiểu.

Khi dạy và học đến các nội dung lịch sử văn học, không nên chú ý nhiều đến việc yêu cầu HS nhớ hết các sự kiện, tiến trình, đặc điểm... mà chủ yếu vận dụng các tri thức ấy soi sáng cho việc đọc-hiểu văn bản được học. Có nghĩa là nên

nghiêng về câu hỏi: các tri thức lịch sử văn học này giúp gì cho việc khám phá, tiếp nhận các tác phẩm văn học cụ thể? Với ý nghĩa đó, những sự kiện và chi tiết trong cuộc đời và sự nghiệp của các nhà văn chỉ đáng chú ý khi chúng giúp ta hiểu sâu hơn nội dung và nghệ thuật của tác phẩm được học. Cũng như vậy, khi dạy bài Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945, GV cần lựa chọn các kiến thức thật có ích trong việc giúp HS đọc-hiểu các tác phẩm cụ thể, luôn yêu cầu các em tìm và thấy mối liên hệ giữa các kiến thức ấy với việc hiểu văn bản; tránh tình trạng tách rời giữa lịch sử và tác phẩm; giữa hiện thực cuộc sống và hình tượng văn học...

Về lí luận văn học, Ngữ văn 11 tập trung vào vấn đề thể loại và cách đọc các thể loại văn học. Cũng như lịch sử văn học, các tri thức lí luận văn học chỉ thực sự có ích khi chúng giúp người đọc hiểu sâu hơn tác phẩm văn học. Vì thế kiến thức lí luận văn học cần gắn bó chặt chẽ với việc đọc-hiểu văn bản văn học. Những kiến thức lí luận về thể loại được SGK Ngữ văn 11 cung cấp dưới các hình thức chủ yếu sau đây:

- Giới thiệu về tác phẩm và thể loại trong mục Tiểu dẫn.

- Giới thiệu về đặc điểm các thể loại trong mục Tri thức đọc hiểu mỗi khi học đến thể loại ấy ở sách Ngữ văn 11 nâng cao.

- Sách Ngữ văn 11 nâng cao còn dành hẳn 5 bài về đọc hiểu các thể loại tiêu biểu là: Đọc truyện ngắn và tiểu thuyết; Đọc kịch; Đọc thơ; Đọc văn nghị luận và Tổng kết về phương pháp đọc-hiểu văn bản văn học.

Do thời lượng có hạn, các bài hướng dẫn đọc nêu trên chỉ lưu ý một số đặc điểm cơ bản và cách đọc các thể loại quen thuộc. Trong mỗi loại lớn lại có các thể nhỏ với những đặc điểm khác biệt. Chẳng hạn cũng là nghị luận nhưng nghị luận trung đại khác với nghị luận hiện đại; ngay trong nghị luận trung đại cũng có rất nhiều thể với những đặc điểm khác nhau: cáo, hịch, tựa, chiếu,... Vì thế việc hình thành phương pháp đọc hiểu các thể loại được cụ thể hoá bằng hệ thống câu hỏi hướng dẫn chuẩn bị bài ở cuối mỗi bài đọc hiểu văn bản văn học cùng với việc giới thiệu đặc điểm của thể loại cụ thể ấy. GV cần lưu ý để rèn luyện năng lực đọc hiểu này cho HS trong quá trình học các tác phẩm cụ thể.

3. Nắm vững nội dung và yêu cầu cơ bản của phần Tiếng Việt

Cũng như Ngữ văn 10, CT tiếng Việt ở Ngữ văn 11 được biên soạn theo hai yêu cầu chính sau đây:

- Một là, tập trung giới thiệu một số kiến thức tiếng Việt mới; cụ thể là các bài về phong cách ngôn ngữ (báo chí, chính luận); các bài khái quát về đặc điểm loại hình tiếng Việt; nghĩa của câu; từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân,...

- Hai là, ôn tập, rèn luyện các kiến thức và kĩ năng sử dụng tiếng Việt thông qua các bài luyện tập. Những bài luyện tập thường lấy ngữ liệu từ các văn bản- tác phẩm đang học ở lớp 11 hoặc trước đó để làm sáng tỏ các kiến thức đã học và nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt cho HS.

Học tiếng Việt nhằm hình thành và rèn luyện 4 kĩ năng cơ bản (nghe, nói, đọc, viết) yêu cầu phải tích hợp với các tác phẩm văn học ở phần Đọc văn và các kiểu văn bản đang rèn luyện tạo lập trong phần Làm văn. Chẳng hạn, khi học bài Phong cách ngôn ngữ chính luận, GV cần chú ý cho HS liên hệ với các bài văn nghị luận xã hội đã học ở phần Đọc văn như: Chiếu cầu hiền (Ngô Thì Nhậm); Đơn xin lập khoa luật (Nguyễn Trường Tộ); Bàn về đạo đức Đông - Tây (Phan Chu Trinh); Tiếng mẹ đẻ- nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức (Nguyễn An Ninh). Cũng cần liên hệ với các bài nghị luận xã hội đã viết để làm sáng rõ đặc điểm và yêu cầu của văn bản viết theo phong cách ngôn ngữ chính luận.

Do phải ôn luyện lại một số kiến thức và kĩ năng đã học ở THCS, vì thế khi dạy các bài luyện tập tiếng Việt, nhất là các biện pháp tu từ hoặc lựa chọn từ ngữ, GV cần xem lại những kiến thức ở lớp dưới và liên hệ với các văn bản-tác phẩm đang học để rèn luyện cho HS và thực hiện nguyên tắc tích hợp.

4. Chú ý những thay đổi về nội dung Làm văn và quan niệm để văn

Phần Làm văn trong CT và SGK Ngữ văn 11 tập trung vào mấy nội dung lớn sau đây:

- Về lí thuyết: Giới thiệu cho HS bốn thao tác lập luận lớn là: phân tích, so sánh, bác bỏ và bình luận. Mỗi thao tác gồm bài lí thuyết và sau đó chủ yếu là luyện tập viết các đoạn văn vận dụng thao tác đã học.

- Về thực hành: cả năm học viết từ 7 đến 8 bài văn, bao gồm 2 bài kiểm tra tổng hợp (cuối học kì I và cuối năm) các bài còn lại chia đều cho nghị luận xã hội và nghị luận văn học. Ngoài 8 bài làm văn, HS còn phải thực hành làm văn trên nhiều hình thức khác nhau, chẳng hạn: viết đoạn văn theo các thao tác đã học; thực hành vận dụng kết hợp các thao tác trong một bài nghị luận; thực hành phân tích đề, lập dàn ý; thực hành tóm tắt văn bản nghị luận...

- Ngoài nội dung lí thuyết và thực hành đã nêu trên, phần Làm văn còn giới thiệu một số nội dung khác như Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn; Tiểu sử tóm tắt.

Có thể thấy trọng tâm của phần làm văn 11 là văn nghị luận. Trọng điểm của văn nghị luận lớp 11 là các thao tác lập luận. Cần chú ý các khái niệm cơ bản với sự phân cấp, tầng bậc của chúng.

Bậc lớn nhất là các kiểu văn bản, bao gồm: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh và hành chính-công vụ. Tiêu chí để chia ra các kiểu văn bản này là dựa vào các phương thức biểu đạt. Mỗi kiểu văn bản sử dụng một phương thức biểu đạt chính và có thể kết hợp với một số phương thức biểu đạt khác, không có một văn bản nào chỉ sử dụng một phương thức biểu đạt duy nhất.

Bậc tiếp theo thuộc về các thao tác nằm trong mỗi kiểu văn bản ấy. Chẳng hạn, trong văn nghị luận chủ yếu dùng các thao tác lập luận như: chứng minh, giải thích, phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận. Những thao tác này cần được hiểu như là các phương pháp lập luận. Trong thực tế không có một văn nghị luận nào chỉ sử dụng một thao tác lập luận mà bao giờ cũng kết hợp các thao tác khác nhau, trong đó có một vài thao tác chính. Tuy vậy, để rèn luyện kĩ năng cho HS, người ta tách ra từng thao tác để thực hành luyện tập, nhưng khi viết bài, bao giờ người viết cũng phải kết hợp nhiều thao tác lập luận như trên đã nêu. Vì thế bên cạnh các bài học về thao tác lập luận riêng bao giờ cũng có các bài yêu cầu HS kết hợp các thao tác lập luận. Chương trình Làm văn 12 sẽ dành khá nhiều thời gian để luyện tập kĩ năng kết hợp các thao tác lập luận trong bài nghị luận.

Như trên đã nêu, chia ra các thao tác là để rèn luyện cho kĩ, còn thực tế ngay trong một các thao tác vẫn thường phải sử dụng kết hợp với các thao tác khác. Để chứng minh rất cần phải giải thích, phân tích, so sánh và ngược lại.

Điểm cần chú ý cuối cùng của phần Làm văn là quan niệm về đề văn. Bên cạnh các dạng đề truyền thống, sách Ngữ văn 11, nhất là bộ sách viết theo CT nâng cao, đã nêu lên một số dạng đề mở. Đề mở là dạng đề không nêu rõ các yêu cầu cụ thể về thao tác lập luận, giới hạn và phạm vi đề tài mà chỉ nêu vấn đề (đề tài) cần nghị luận. Xin nêu hai ví dụ:

Ví dụ 1 (đề truyền thống): Có ý kiến cho rằng: "Thơ Nguyễn Bính rất gần với ca dao". Bằng việc phân tích một số bài thơ đã học hoặc đã đọc của Nguyễn Bính, anh/chị hãy bình luận và làm sáng tỏ ý kiến trên.

Ví dụ 2 (đề mở): Dấu ấn thơ ca dân gian trong một số bài thơ của Nguyễn Bính.

Một số vấn đề xoay quanh việc đổi mới ra đề văn như: Những ưu điểm và nhược điểm của mỗi loại đề; Tại sao cần thay đổi cách ra đề theo hướng mở; Đổi mới ra đề văn và các xu hướng ngộ nhận, cực đoan... chúng tôi đã có dịp nêu trong nhiều tài liệu, báo chí, nên không trình bày lại ở đây.

5. Nắm được sự tương đồng và khác biệt của hai bộ sách Ngữ văn 11

So sánh giữa Ngữ văn 11 cơ bản và Ngữ văn 11 nâng cao có thể nêu lên một số điểm tương đồng như sau:

a) Hệ thống văn bản đọc-hiểu trong phần văn học (đọc văn) thống nhất. Nói một cách khác, tất cả những văn bản đọc-hiểu có trong sách Ngữ văn 11 đều có trong sách Ngữ văn 11 nâng cao.

b) Cấu trúc sách và phân bố các văn bản đọc hiểu theo trình tự các tuần học là tương đương. Tuy nhiên do thời lượng học của hai chương trình khác nhau nên không thể tương ứng tuyệt đối.

c) Nội dung kiến thức và kĩ năng của các văn bản đọc-hiểu trùng nhau giữa hai bộ sách cùng bám sát và bảo đảm yêu cầu của Chuẩn chương trình đề ra.

d) Nội dung, yêu cầu về kiến thức và kĩ năng của phần tiếng Việt giữa hai bộ sách là tương đương, dù cách thức thể hiện và khai thác có thể khác nhau.

đ) Ngoài một số nội dung nâng cao, các nội dung và yêu cầu về kiến thức, kĩ năng của phần làm văn giữa hai bộ sách là tương đương (các thao tác lập luận, sự phân chia các thao tác, các bài viết làm văn và các đơn vị kiến thức khác cho mỗi học kì). Tất nhiên cách trình bày có thể khác nhau.

e) Phương pháp dạy học và những yêu cầu đổi mới phương pháp, phương tiện dạy học Ngữ văn ở hai bộ sách cơ bản là thống nhất (Tính tích hợp, tích cực hoá hoạt động của người học, hình thành phương pháp đọc-hiểu và thói quen tự học, vận dụng đúng và có hiệu quả các phương tiện dạy học, đặc biệt là công nghệ thông tin...).

h) Đổi mới đánh giá kết quả học tập môn học Ngữ văn ở hai bộ sách là thống nhất và tuân thủ theo yêu cầu của chương trình và chuẩn chương trình.

Còn đây là một số điểm khác biệt:

a) Thời lượng dạy học khác nhau, Ngữ văn 11 nâng cao: 4 tiết/ tuần; Ngữ văn 11: 3,5 tiết/ tuần. Tổng cả năm chênh nhau 17,5 tiết.

b) Nội dung học tập, sách Ngữ văn 11 nâng cao có thêm một số nội dung mà Ngữ văn 11 không có. Nội dung khác biệt này chủ yếu ở phần văn học, cụ thể là:

- Về văn bản đọc hiểu: một số văn bản- tác phẩm sau đây chỉ có trong Ngữ văn 11 nâng cao, không có trong Ngữ văn 11: Cha tôi (Đặng Huy Trứ). Tiến sĩ giấy (Nguyễn Khuyến); Vịnh khoa thi hương (Trần Tế Xương); Đổng Mẫu (trích: kịch bản tuồng Sơn Hậu), Nghệ thuật băm thịt gà (Ngô Tất Tố), Đời thừa (Nam Cao), Đây mùa thu tới; Thơ duyên (Xuân Diệu), Tống biệt hành (Thâm Tâm), Giải đi sớm (Hồ Chí Minh), Đám tang lão Gôriô (Balzac).

- Về văn học sử và lí luận văn học: Sách Ngữ văn 11 nâng cao học chính thức 04 tác gia nên có 04 bài học riêng là : Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Xuân Diệu và Nam Cao. Về lí luận văn học bên cạnh các bài về thể loại như thơ, truyện, kịch và văn nghị luận, sách Ngữ văn 11 nâng cao chú trọng hơn việc trang bị thêm kiến thức lí luận văn học bằng các nội dung trong mục Tri thức đọc-hiểu. Mục này sách Ngữ văn 11 (bộ cơ bản) không có.

c) Cấu trúc sách: cũng như sách Ngữ văn 10, bộ Ngữ văn 11 có phần ghi nhớ (Ngữ văn 11 nâng cao không có ghi nhớ). Ngữ văn 11 nâng cao có thêm mục Tri thức đọc hiểu và Bài tập nâng cao (Ngữ văn 11 không có). Cách sắp xếp bài học của hai bộ có khác nhau.

d) Ảnh chân dung và ảnh tư liệu: số lượng tranh ảnh ở sách Ngữ văn 11 nâng cao nhiều hơn sách Ngữ văn 11 (NV11 nâng cao: 39; Ngữ văn 11: 24).

đ) Hai bộ sách khác nhau ở hệ thống câu hỏi, cách khai thác bài học (cách hỏi và cách dẫn dắt trình bày vấn đề).

e) Phần Làm văn, ở các bài viết, sách Ngữ văn 11 nâng cao thường chỉ nêu một số đề văn (từ 4 đến 6 đề) để HS và GV tham khảo, không nêu gợi ý về nội dung và cách làm; còn ở sách Ngữ văn 10 nêu phần gợi ý về đề văn cũng như cách làm bài cho HS.

g) Về chú thích: Hai bộ sách khác nhau ở số lượng từ ngữ cần chú thích và mức độ chi tiết của nội dung được chú thích. Điều này có thể chấp nhận được, chỉ nên tránh việc chú thích cùng một từ nhưng có nội dung ngược nhau.

h) Số bài viết ở Ngữ văn 11 nâng cao nhiều hơn. Ngoài việc luyện viết đoạn văn, sách Ngữ văn 11 nâng cao yêu cầu một năm HS phải viết 8 bài làm văn và 01 bài kiểm tra văn học (vào học kì II), Ngữ văn 11 (cơ bản) HS chỉ viết 7 bài làm văn.

Hai bộ sách có sự khác nhau là bình thường. Trước hết vì chúng được biên soạn bởi hai tập thể tác giả khác nhau, theo một chương trình nhưng với hai yêu cầu khác nhau.Thực ra phải khác nhau như thế mới có ý nghĩa... Cùng một tác phẩm, một hình tượng, một chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn học có thể có nhiều cách hiểu khác nhau, vì thế hai bộ sách có thể khai thác khác nhau và nên khuyến khích GV, HS chủ động trong việc tiếp nhận, chủ động nêu cách hiểu của chính mình... miễn là cách hiểu đó có sức thuyết phục, không gượng ép, không suy diễn bừa bãi, dung tục...

Tuy nhiên đối với những khái niệm, thuật ngữ khoa học thì cần phải thống nhất. Cùng một thuật ngữ, khái niệm mỗi sách có thể trình bày kĩ càng hay sơ lược (nông hay sâu, rộng hay hẹp)... nhưng không thể nói ngược nhau (điều này có khác so với việc phân tích tiếp nhận hình tượng văn học vừa nêu ở trên).

Vấn đề quan trọng là khi ra đề kiểm tra, đánh giá cần chú trọng yêu cầu cơ bản về chuẩn kiến thức và kĩ năng mà Chương trình đã quy định. Nghĩa là dù học bộ sách nào cũng vậy, nếu hỏi về tác phẩm hay vấn đề nào đó, thì yêu cầu người viết phải nêu được một số nội dung cơ bản, trọng yếu nhất định. Sau đó mới tính đến những yêu cầu riêng cho mỗi đối tượng và khuyến khích những cách hiểu khác, những suy nghĩ tìm tòi, sáng tạo, những nội dung phát triển mở rộng, nâng cao miễn là hợp lí.

Tóm lại, hai bộ sách có nhiều điểm giống nhau nhưng cũng có nhiều điểm khác biệt. Khi tìm hiểu và dạy hai bộ sách, giáo viên cần chủ động phân biệt và đánh giá sự khác nhau này một cách bình tĩnh và thích đáng.

SUMMARY

The article lays stress on 5 such noteworthy points about the new literature 11 curriculum and textbook as 1/ grasping generally the type and literary works in the textbook; 2/ understanding the importance of historical knowledge and literary theory; 3/ Grasping firmly the content and major requirements of the Vietnamese language-related part; 4/ Changes in the content of compositions and conceptions of a composition (essay) titie; 5/ grasping firmly the similarities and differences of the two sets of literature 11 textbooks.